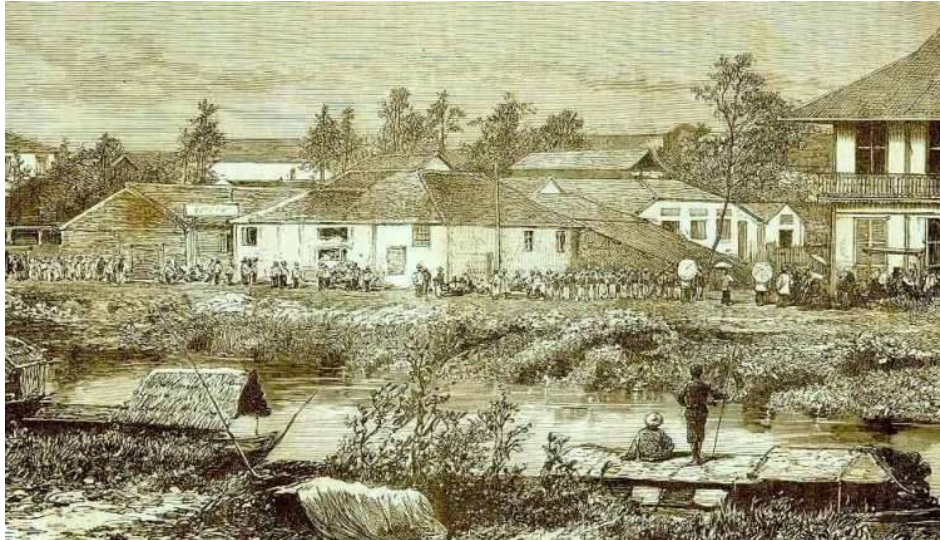


SÀI GÒN NHỎ  
18 April 2021

## Sài Gòn xưa sinh hoạt và ăn chơi như thế nào?

Nhà nghiên cứu LÊ NGUYỄN



Một khu dân cư ở Sài Gòn năm 1872 theo tranh vẽ đương thời

Trong tác phẩm *Histoire de la conquête de Cochinchine en 1861* (Lịch sử cuộc chinh phục Nam kỳ năm 1861), Léopold Pallu de Barrière đã mô tả thành phố Sài Gòn năm 1859 như sau: “*Du khách đến Sài Gòn thoáng thấy trên hữu ngạn của con sông một loại đường sá mà hai bên bị đứt đoạn từng quãng một bởi những khoảng không gian trống trải. Nhà cửa phần lớn bằng gỗ lợp lá dừa, một số khác, ít hơn, xây bằng đá. Hàng ngàn chiếc thuyền chen chúc nhau trên bờ sông, hình thành một ngôi làng nổi...*” (LN tạm dịch).

Đầu thập niên 1860, nhiều con đường lớn bắt đầu xuất hiện và từ năm 1864, nhiều kiến trúc kiên cố mọc lên như dinh Đồng lý Nội vụ – còn gọi là **Dinh thượng thư** (Direction de l’Intérieur - 1864), **Dinh Thống đốc** (Palais du Gouvernement - 1868), **Nhà thờ lớn** (1877)... Đến năm 1865, Sài Gòn đã có 15,350 km đường lộ, hai bên đường đều có trồng cây, thường là me, bàng hay tểch. Ban đêm, các con đường được thắp sáng bằng đèn dầu dừa.



Đường Catinat, nơi sinh hoạt của phần lớn người Âu tại Sài Gòn

Vào những thập niên 1860-1870, phương tiện di chuyển chủ yếu của người dân miền Tây là ghe thuyền, đậu chạt ních các bên sông. Chúng được dùng chuyên chở hàng hóa từ các vùng xa đến Sài Gòn mua bán, đưa rước khách sang sông hay di chuyển trên những quãng sông ngắn. Phần lớn cư dân Sài Gòn đi bộ, người giàu có thì sử dụng xe kiếng (malabare), loại xe bốn bánh do một ngựa kéo, thùng xe bằng gỗ có cửa kính để khách ngồi trong xe có thể nhìn thấy quang cảnh trên đường đi; điều khiển xe thường là người Mã Lai, gọi là *xà ích* (sais, gốc tiếng Mã Lai).

Đến cuối thập niên 1880, Sài Gòn, Chợ Lớn bắt đầu có xe kéo, làm phát sinh thêm một thành phần mới trong xã hội thuộc địa là phu xe kéo. Người ta còn đọc thấy trong biên bản họp của Hội đồng thành phố vào ngày 20 tháng 1 năm 1888 một tờ trình cho viên đốc lý Sài Gòn, đề nghị cho lưu hành xe kéo tại Sài Gòn vì ở Chợ Lớn, chính quyền đã cho loại xe này hoạt động rồi.

## NGƯỜI CHÂU ÂU Ở SÀI GÒN

Sau khi Pháp đánh chiếm toàn bộ Nam kỳ và chính thức thuộc địa hóa vùng này bằng hòa ước Giáp Tuất 1874 ký với Triều đình Huế, số người châu Âu, nhất là người Pháp đến Sài Gòn, ngày càng đông. Vào thập niên 1880, khách sạn nổi tiếng của Pháp ở Sài Gòn là **Favre** do một người Pháp tên Favre khai thác. Khách sạn nằm trên đại lộ chính Catinat (Tự do trước 1975, Đồng Khởi ngày nay) giới hạn bởi hai con đường Bonard và d'Espagne (Lê Lợi và Lê Thánh Tôn ngày nay). Đó là một trong những nơi náo nhiệt nhất Sài Gòn lúc bấy giờ.

Sự hiện diện của một số người Âu sống trong khách sạn hoặc thuê nhà riêng làm phát sinh một số nghề mới trong cư dân bản xứ. Trước tiên là nghề giúp việc nhà và nghề làm bếp cho Tây. Giúp việc nhà thường là các thanh thiếu niên người Việt, tuổi khoảng 18-20, được chủ Tây gọi là "boy" (cậu con trai), nghe quen thành ra "bồi". Công việc của người này là hầu bàn, lo nước tắm, dọn phòng và cả kéo quạt nữa, với mức lương từ 6 đến 8 đồng mỗi tháng, chỉ bằng 1/5 đến 1/4 tiền ăn hàng tháng tại khách sạn của một người Âu.

Đầu bếp nấu ăn cho Tây thường là người gốc Hoa, lương từ 8 đến 10 đồng/tháng. Họ làm quen rất nhanh với cách nấu ăn của Tây và biết chiều theo sở thích của chủ. Thông thường người đầu bếp đến chủ nhà làm những công việc theo thỏa thuận, đến chiều họ trở về nhà, sau khi nhận từ tay chủ khoản tiền đi chợ sáng hôm sau, vào khoảng 0,60 đồng đến 1 đồng, cho hai người ăn.

Nếu gia đình người Âu có con nhỏ cần người giúp việc là phụ nữ, họ liên lạc với trường Sainte-Enfance để các “xơ” (soeur) ở đây cung ứng người của trường.



Tháp nước xây dựng năm 1878, phá hủy năm 1921, nơi đây nay là Hồ con rùa

Những gia đình đông đúc, cần di chuyển thường xuyên sẽ sắm một xe kiếng và thuê một xà ích lương từ 12 đến 20 đồng/tháng, không ăn cơm chủ. Khách ở khách sạn thường được chào mời bởi một đội ngũ những người bản xứ làm nghề giặt là, cắt may, đóng giày... Trong nghề may quần áo và đóng giày, người Tàu có nhiều ưu thế hơn người Việt. Một bộ complet thêm áo gilet, cả công lẫn vải khoảng 8 đồng, được đánh giá là khá rẻ.

Sinh hoạt của những người Âu vào cuối thế kỷ 19 khá đơn điệu. Họ dậy lúc 6 giờ sáng, làm vệ sinh và đi làm cho đến 10 giờ. Bữa ăn trưa diễn ra lúc 10 giờ 30 phút, dưới những chiếc quạt kéo, vì lúc đó trời đã bắt đầu nóng nực. Giữa trưa, họ lên phòng và kéo dài giấc ngủ trưa đến 2-3 giờ chiều. Lúc này, Sài Gòn rất yên lặng, cửa hàng đóng cửa im ỉm, cửa nhà cũng không mở. Từ 2-3 giờ chiều, thành phố thức giấc, mỗi người quay lại công việc đang chờ cho đến 5 giờ chiều mới trở về nhà. Đó là lúc mà thành phố tỏ ra náo nhiệt nhất.

Sài Gòn thập niên 1880 có vẻ thích hợp với câu nói mà người ta thường gán cho Paris. Đây là “thiên đường của phụ nữ và địa ngục của loài ngựa”. Thực vậy, chỉ riêng Sài Gòn lúc đó đã có đến 400 chiếc xe ngựa cho thuê! Bữa cơm tối của người châu Âu tại Sài Gòn bắt đầu lúc 19 giờ 30 phút, khi màn đêm đã buông xuống hoàn toàn. Sau đó, phần lớn thanh niên và những người độc thân đến các câu lạc bộ hay vào các quán cà phê, ngồi uống bia ướp lạnh và có khi vui chơi đến sáng.

Từ khi tình trạng vệ sinh ở Sài Gòn được cải thiện, nhiều phụ nữ người Âu kéo sang Việt Nam sống cùng với gia đình, vì thế sinh hoạt ở các câu lạc bộ hay quán cà phê lắm lúc được chuyển về những gia đình hiếu khách. Ở đó, họ nghe nhạc, nói chuyện, đánh bài và thường thì buổi gặp gỡ kết thúc bằng một cuộc khiêu vũ kéo dài đến nửa đêm. Ngoài những buổi họp mặt thân mật như

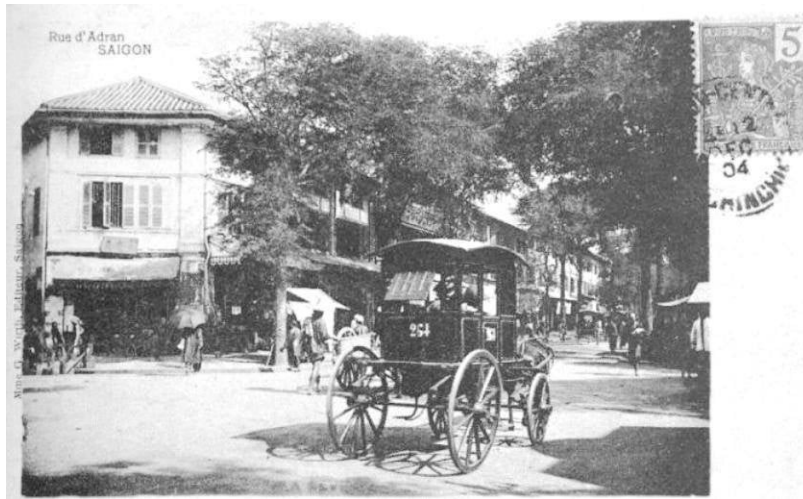
thế, hàng năm có một hoặc hai buổi khiêu vũ đông người, dành cho giới trẻ trong thành phố và một buổi khiêu vũ chính thức tổ chức tại dinh Thống đốc Nam kỳ.



Sở hữu một cây dù là điều đáng hãnh diện của người đàn ông Sài Gòn xưa

## CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở SÀI GÒN XƯA

Cuộc sống của người Âu là cả một thiên đường so với những người dân bản xứ đang sống chen chúc cạnh các sông rạch hoặc dãi dầu trên ghe thương hồ rày đây mai đó. Đầu thế kỷ 20, bà Gabrielle M. Vassal, một phụ nữ Anh lấy chồng là bác sĩ thuộc địa người Pháp, chỉ sau đám cưới vài tuần lễ đã phải theo chồng sang công tác ở Viện Pasteur Nha Trang. Trong những ngày sống ở Sài Gòn chờ ra Nha Trang, bà Vassal có dịp quan sát sinh hoạt tại thành phố này và kể lại trong tập hồi ký *Mes trois ans d'Annam* (Ba năm ở An Nam của tôi – NXB Hachette, Paris, 1912).



Xe kiếng trên đường Adran, nay là đường Hồ Tùng Mậu

Khi mới đến thành phố, Vassal đã di chuyển bằng xuồng tam bản và một trong những bói rói đầu tiên của bà là không làm sao phân biệt được giới tính của những người chèo xuồng. Họ ăn mặc gần như nhau, chỉ có những khác biệt nhỏ mà phải sau một thời gian, Vassal mới phân biệt được.

Thời đó, người Sài Gòn, nam cũng như nữ, đều mặc quần dài và áo rộng, tóc cũng đều cuộn lại thành búi tóc. Quan sát kỹ mới thấy ở phụ nữ, búi tóc nằm ở vị trí cao hơn, phía trên đầu, chiếc áo rộng cũng dài hơn. Về vóc dáng người Sài Gòn đầu thế kỷ 20, đàn ông ít khi vượt quá 1,60 mét chiều cao, phụ nữ còn thấp bé hơn nữa. Mặc dù vậy, họ là những người chèo xuồng rất thiện nghệ. Các phu kéo xe cũng thế, họ có thể kéo dễ dàng một người Âu nặng gấp đôi trọng lượng cơ thể họ.

Với sự hiện diện của nhiều người Âu, cảnh chợ búa ở Sài Gòn cuối thế kỷ 19 diễn ra khá náo nhiệt. Phía ngoài chợ là cửa hàng của người Ấn Độ thường được gọi là Matabar. Họ bán đủ loại hàng hóa, nhất là vải vóc. Khách hàng của họ nhiều nhất là phụ nữ và cách buôn bán của họ không giống người Tàu.



Cách ăn mặc của nam công nhân Sài Gòn xưa, thời đó gọi là cu-li (coolies)

Để làm sạch đường phố trong mùa khô, chính quyền thành phố Sài Gòn cho xe đi tưới nước trên đường mỗi ngày hai, ba, thậm chí bốn lần. Đến thập niên 1880, đường phố Sài Gòn đã có năm đại lộ, 39 đường và ba bến tàu, dài tổng cộng 36.635 km; so với năm 1865, đã tăng thêm hơn 20 km. Trước năm 1878, nước uống của cư dân thường lấy từ các giếng đào cạn hay sông, rạch nên không đảm bảo vệ sinh. Sau này, chính quyền Pháp cho lấy nước từ một con suối, đưa vào bể lọc và cung cấp cho dân thành phố mỗi ngày 16.000 mét khối nước. Năm 1878, một tháp nước khổng lồ được xây dựng ở đầu đường Catinat, tại vị trí nay là **Hồ Con Rùa**. Tháp nước này tồn tại được 48 năm, đến năm 1921 thì bị phá hủy.

Ở Sài Gòn đầu thế kỷ 20, mỗi chiều người ta thấy từng tốp công nhân bản xứ trên đường đi làm về. Nổi bật trong số họ là các “thầy thông ngôn”, không búi tóc như hầu hết dân bản xứ. Họ đã húi tóc ngắn (như phong trào cúp tóc năm 1907), mặc quần dài trắng, mang giày tất ngắn, đầu đội khăn nhiều nếp. Các nông dân mặc quần dài trắng, áo rộng màu xanh sẫm, đôi khi vá chằng vá đụp. Họ đi hàng một bên đường, người này bước sau người kia, chân không mang giày dép gì cả.



Một phụ nữ Sài Gòn năm 1908, đầu bới cao

Một vài người cầm trên tay một đôi giày păng-túp (pantoufle) kiểu Tàu, chỉ cầm mà không mang, cố để dành cho những dịp trọng đại, tay kia cầm một chiếc dù che trên đầu. Đối với người nông dân ở Sài Gòn thời đó, có một chiếc dù, loại dành cho các quan lại khi xưa là một điều hãnh diện lớn. Còn công nhân làm ở các hãng xưởng thì thay cho chiếc khăn quăn quanh đầu như các thầy thông ngôn là một chiếc khăn mùi soa (mouchoir) hoặc một mảnh vải nhỏ quăn vụng về trên búi tóc.

Phụ nữ Sài Gòn xưa cũng như đàn ông, không bao giờ đi sóng đôi trên đường. Từ chợ về, họ gánh hai chiếc giỏ cân bằng nhau nên bước chân vẫn nhẹ nhàng. Để đôi chiếc đòn gánh qua vai khác, họ chậm bước chân lại, cúi đầu xuống và đưa chiếc đòn qua cổ, ít khi chịu đặt quang gánh xuống đất. Những phụ nữ bản xứ có mức sống cao thì ngồi xe kéo, đầu đội một chiếc khăn bằng lụa màu nhạt hoặc dùng một chiếc trâm bằng vàng cài lên chiếc búi tóc đen nhánh.

Khi mặt trời đã ngã về Tây, các gia đình người Việt ở Sài Gòn tụ họp trước túp lều, bên cạnh mâm cơm. Nếu bữa cơm đạm bạc chưa được người nội trợ lo xong thì người cha hay người đàn ông trong gia đình lo việc bồng ẵm đám trẻ nhỏ. Lúc trời đã tối mịt, người ta đốt đèn dầu trên các bàn thờ và thắp hương. Tất cả vào nhà đóng cửa lại. Sự im lặng của khu xóm thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi tiếng khóc của một đứa trẻ và lời ru nhẹ nhàng của người mẹ.